TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 224/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lâm, ngày 30 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung", giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1997

Trú tại: Số 6 thôn T, xã A, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Bị đơn***: Chị **Tạ Thị Lệ H**, sinh năm 1992

Trú tại: Căn hộ S, Tòa S, Khu đô thị V, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc S và chị Tạ Thị Lệ H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của giữa anh Nguyễn Ngọc S và chị Tạ Thị Lệ H, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh S và chị H thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng (là động sản và bất động sản): Anh S và chị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Anh S và chị H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Ngọc S chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0066065 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Hoàn trả anh S 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã A, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2024 do UBND xã A, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh ngày 09/12/2024);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng